

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2017/DS – ST
Ngày 04-8-2017
Về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Liệt

2. Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLST–DS ngày 24 tháng 4 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXX–ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* N..H...L...V.. địa chỉ: Tòa nhà, số, phường, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị N. T. T. H... địa chỉ: Ng. ., phường, thành phố V., tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; chức vụ: Kiểm soát viên thuộc tổ GSKD&XLN – N..H...L...V– Chi nhánh VT theo Quyết định ủy quyền số 22/2017/QĐ-GĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh H... K.... S... – sinh năm 1985, chị T... T... N... A.– sinh năm 1984; trú cùng địa chỉ:, phường, thành phố Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2017, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23 tháng 5 năm 2014, N..H...L...V – Chi nhánh Vũng Tàu (viết tắt NH) với anh H..K.. S..., chị T.. T.. N.. A.. ký kết hợp đồng tín dụng số: 100-14/HĐTD-LPBVT, số tiền vay 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền, mục đích vay: bổ sung vốn mua bất động sản; lãi suất: 14%/năm, thay đổi 3 tháng/lần theo quy định của LPB, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ gốc: vào ngày 15 tây hàng tháng, mỗi tháng trả 5.500.000 đồng tiền nợ gốc trong vòng 179 kỳ, kỳ thứ 180 trả 15.500.000 đồng, tiền lãi trả mỗi tháng tính trên số tiền nợ gốc của tháng đó.

Tài sản bảo đảm:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 11 thành phố Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 278773, số vào sổ cấp giấy CH-03150, do Ủy ban nhân dân TP Vũng Tàu cấp ngày 17-11-2011 đứng tên H. K.S., được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP. V.

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 12 thành phố Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 168874, số vào sổ cấp giấy CH-02321, do Ủy ban nhân dân TP V. . cấp ngày 26-10-2010 đứng tên H. K. S., được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP V. ...

Việc thực hiện hợp đồng: anh S...và chị A.. có trả tiền nợ gốc nhưng trả không đúng theo kỳ và trả đến 15-6-2016 thì ngưng trả đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay: NH xác nhận tính đến hết ngày 04-8-2017 anh S..., chị A... còn nợ NH tổng số tiền: 998.724.401 đồng. Trong đó; nợ gốc: 867.988.380 đồng, lãi trong hạn: 112.863.156 đồng, lãi quá hạn: 17.872.865 đồng, tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi anh S..., chị A.... tất toán nợ cho NH theo mức lãi suất đã thỏa thuận giữa hai bên ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp anh S..., chị A.. không trả nợ hoặc trả không đủ thì phát mãi các tài sản thế chấp mà anh S..., chị A... đã ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 034-14/HĐTC-VT ngày 23-5-2014; số: 081-14/HĐTC-VT ngày 12-12-2014 để thu hồi nợ cho NH.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2017, anh H. K. S. chị T. T..N..A... xác nhận: Ngày 23-5-2014, Anh H.. K.. S., chị T. T. Ng. A. với NH ký kết hợp đồng tín dụng số: 100-14/HĐTD-LPBVT, số tiền vay 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền, mục đích vay: bổ sung vốn mua bất động sản; lãi suất: 14%/năm, thay đổi 3 tháng/lần theo quy định của LPB, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ gốc: vào ngày 15 tây hàng tháng, mỗi tháng trả 5.500.000 đồng trong vòng 179 kỳ, kỳ thứ 180 trả 15.500.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay này theo NH trình bày là đúng, anh H.. K...S., chị T... T... N... A.. đã ký thế chấp

theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 034-14/HĐTC-VT ngày 23-5-2014; số: 081-14/HĐTC-VT ngày 12-12-2014. Do khó khăn trong việc trả nợ anh S..., chị A... xin gia hạn khoảng 5,6 tháng nữa sẽ tất toán nợ cho NH, nếu sau thời gian đó anh S..., chị A.... không trả được thì đề nghị căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt của bị đơn.

+ Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: NH . khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H...K... S..., chị T.. T.. N... A.. trả nợ, gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ; anh S... và chị A... sinh sống tại đường Đ...L... phường ... thành phố V.. .., theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. V. ., tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 23 tháng 5 năm 2014, .NH với anh H.. K.. S., chị T... T... N... A.. ký kết hợp đồng tín dụng số: 100-14/HĐTD-LPBVT, số tiền vay 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền, anh H.. K.. S.. và chị T.. T.. N.. A.. nhận tiền vào ngày 24/5/2014 theo phiếu yêu cầu chuyển tiền (BL 118/TA). Cho thấy; việc vay tiền giữa hai bên là có thật.

[2.2] Thực hiện hợp đồng; Theo xác nhận của NH tại bảng chiết tính nợ ngày 04-8-2017 do NH cung cấp thể hiện anh S.. chị A.. trả nợ đến ngày 15-6-2016 thì ngưng. Nợ gốc còn lại: 867.988.380 đồng, lãi trong hạn: 112.863.156 đồng, lãi quá hạn: 17.872.865 đồng, nên NH yêu cầu anh S... và chị phải trả tổng số tiền 998.724.401 đồng.

Căn cứ khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, điều 4 của hợp đồng tín dụng quy định thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày nhận nợ cho đến hết thời hạn của hợp đồng nhưng anh S..., chị A.... chỉ trả một phần nợ gốc, nợ lãi cho đến ngày 15 tháng 6 năm 2016 thì ngưng nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, .NH yêu cầu anh S... và chị A.... phải trả tổng số tiền 998.724.401 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tài sản bảo đảm; quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận số BH 278773, do Ủy ban nhân dân TP. V. .. cấp ngày 17-11-2011, đứng tên H. K. S.; quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận số BD 168874, do Ủy ban nhân dân TP V.T. cấp ngày 26-10-2010, đứng tên H..K.. S... Đã được các bên ký kết tại hợp đồng thế chấp tài sản số 034-14/HĐTC-VT ngày 23-5-2014 và số: 081-14/HĐTC-VT ngày 12-12-2014, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23-5-2014, ngày 15-12-2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP. V.... Thể hiện; Anh H. K. S. và chị T. T.. N.. A.. tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của mình để đảm bảo nợ vay. Nay anh S..., chị A...không thanh toán được khoản nợ đã vay nên đủ cơ sở chấp yêu cầu của nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại điều 343, 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H....K... S..., chị T... T.. N.. A... phải nộp: 41.961.732 đồng.

Do NH không phải nộp nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 343 và Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH đối với anh H.. K.. S.. và chị T. T..N.. A..., về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc anh H..K.. S.. và chị T.. T.. N... A.. trả cho NH tổng số tiền 998.724.401 (Chín trăm chín mươi tám triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm lẻ một)đồng. Trong đó; nợ gốc: 867.988.380(Tám trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm tám mươi tám ngàn ba trăm tám mươi) đồng, lãi trong hạn: 112.863.156(Một trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn một trăm năm mươi sáu) đồng, lãi quá hạn: 17.872.865(Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi lăm) đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh S..., chị A... còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 100-14/HĐTD-LPBVT ngày 23-5-2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

NH.. có quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận số BH 278773, do Ủy ban nhân dân TP. V. .. cấp ngày 17-11-2011 đứng tên H... K... S...; quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận số BD 168874, do Ủy ban nhân dân TP. V. .. cấp ngày 26-10-2010 đứng tên H. K. S..., theo hợp đồng thế chấp tài sản số 034-14/HĐTC-VT ngày 23-5-2014; số 081-14/HĐTC-VT ngày 12-12-2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh H. K.. S.. và chị T.. T.. N.. A.. phải nộp: 41.961.732(Bốn mươi một triệu chín trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm ba mươi hai) đồng.

- Hoàn số tiền 19.020.000đ (Mười chín triệu không trăm hai mươi ngàn) đồng cho NH... theo biên lai thu số 003856 ngày 21-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. ..

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

“ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Thanh Trúc